

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 01/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP3+RC5+TD1	7:25	12+0+10	0+0+0		0+4+13	0+0+0	
2		TD5+P1+P3-P5	7:25	7+14+1+0	0+0+0		0+0+0+2	0+0+0	
3		RP3+P5+P7	9:25	18+0+4	0+0+0		0+2+8	0+0+0	
4		RP3+TD3+RP2	9:25	19+0+3	0+0+0		0+10+10	0+0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2019	TO: RP3 - RC5 - TD1	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Vận - DUONG - HUY	ETA: 09:15
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM THANH BINH	RP3	16	1	5	6	88	ANTOAN	Vietnamese
2	PHAM HUYNH CUONG	RP3	24	1	14		76	CODIEN	Vietnamese
3	TRAN CAO TUAN	RP3	15	1	8		69	CODIEN	Vietnamese
4	LUU VAN DAN	RP3	20	1	12		62	CODIEN	Vietnamese
5	ĐANG TRONG DUNG	RP3	25	1	5		66	CODIEN	Vietnamese
6	NGUYEN TRUNG PHONG	RP3	19	1	10		67	CODIEN	Vietnamese
7	HO VAN LUONG	RP3	31	1	2		70	KHI	Vietnamese
8	LE ANH TUAN	RP3	14	1	5		72	CODIEN	Vietnamese
9	HOANG QUOC HUY	RP3	17-18	2	17		79	CODIEN	Vietnamese
10	NGUYEN VU HUNG	RP3	21	1	8		84	CODIEN	Vietnamese
11	LAM NHUT MINH	RP3	23	1	14		65	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYEN THANH CONG	RP3	22	1	10	59	74	CODIEN	Vietnamese
13	KOROTKOV V.A	TD1	62	1	10	70	110	KHOAN	Russian
14	NGUYEN THANH LUAN	TD1	63	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NHU BANG	TD1	69	1	7		54	KHOAN	Vietnamese
16	ĐANG VIET KHOI	TD1					72	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN THIEU	TD1	68	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
18	PHAM ĐUC TUAN	TD1	67	1	4		72	KHOAN	Vietnamese
19	ĐOAN VAN LEO	TD1	64	1	4		76	KHOAN	Vietnamese
20	NGUYEN ĐANG KHOA	TD1	66	1	5		67	KHOAN	Vietnamese
21	LE BA PHUONG	TD1	65	1	9		75	KHOAN	Vietnamese
22	HOANG VAN DUY	TD1	70	1	5		61	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	12	13	110	872	65	0		
2	RC5	0	0	0	0	20	4		
3	TD1	10	9	54	737	70	13		
TOTAL		22	22	164	1.609	155	17		
WEIGHT KG				164	1.609	155			

GRAND TOAL: 1.928 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2019	TO: TD5 - P1 - P3 - P5	AIRCRAFT: 846	ETD: 07:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - TRUÔNG - THỤ	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KARPUNIN	TD5	41	1	12		100	KHOAN	Russian
2	NGUYEN HAI LAM	TD5	42-43	2	12		55	KHOAN	Vietnamese
3	MAI TUAN KIET	TD5	46	1	10	5	75	KHOAN	Vietnamese
4	LE NGOC LUAN	TD5	45	1	7		70	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN TRONG TIEN	TD5	47	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN DUC VIET	TD5	44	1	9		55	KHOAN	Vietnamese
7	ĐINH VAN SU	TD5	40	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN ON	P1	17	1	5		58	TRUONG S/	Vietnamese
9	NGUYEN NGOC THO	P1	- 20	1	5		70	TRUONG S/	Vietnamese
10	CAO MINH BAO	P1	27	1	10		50	TRUONG S/	Vietnamese
11	LUONG DINH LAC	P1	25-26	2	15		65	TRUONG S/	Vietnamese
12	VU HONG OANH	P1	23	1	5		70	PSV	Vietnamese
13	LE HUY MANH	P1	18	1	10		73	TRUONG S/	Vietnamese
14	HUYNH THANH HUU	P1	21	1	7		60	TRUONG S/	Vietnamese
15	HUYNH VAN HANH	P1	24	1	6	25	80	TRUONG S/	Vietnamese
16	HUYNH VAN AI	P1	22	1	5		55	TRUONG S/	Vietnamese
17	LUU VAN BINH	P1	29	1	5		70	TRUONG S/	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRUONG	P1	19	1	5		65	TRUONG S/	Vietnamese
19	LE VAN NHIEU	P1	28	1	7		54	TRUONG S/	Vietnamese
20	NGUYEN VAN CUONG	P1	30	1	7		62	TRUONG S/	Vietnamese
21	LAM VAN VINH A	P1	31-32	2	11		60	TRUONG S/	Vietnamese
22	ZHDANOV	P3	56	1	12		130	KHOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	7	8	65	510	5	0		
2	P1	14	16	103	892	25	0		
3	P3	1	1	12	130	0	0		
4	P5	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	25	180	1.532	30	2		
WEIGHT KG				180	1.532	30			

GRAND TOAL: 1.742 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2019	TO: RP3 - P7 - P4	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:35
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Vậ - DUONG - HUY	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRONG TUAN	RP3	39	1	8		67	CO DIEN	Vietnamese
2	HÀ VAN CANH	RP3	37	1	10		62	KHI	Vietnamese
3	LE HUU HA	RP3	38	1	6		70	KHI	Vietnamese
4	PHẠM THANH TU	RP3	60-61	2	19		82	KHI	Vietnamese
5	PHẠM ĐÌNH HAI	RP3	64-65	2	9		77	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN TUAN	RP3	66	1	9	18	79	KHI	Vietnamese
7	HOANG VAN CHUNG	RP3	62-63	2	8		75	KHI	Vietnamese
8	NGUYEN TIEN DUAN	RP3	40-41	2	12	7	66	KHI	Vietnamese
9	HO ZHI YONG	RP3	42-43	2	15		82	KHI	Singapore
10	PHẠM PHI BAO	RP3	44	1	5		61	KHI	Vietnamese
11	PHAN MINH HIEU	RP3	47-48	2	15		70	KHI	Vietnamese
12	DƯƠNG ĐẶNG NHÀ	RP3	51-52,68	3	13		70	KHI	Vietnamese
13	NGUYEN NGHIEM VU	RP3	45-46	2	12		82	KHI	Vietnamese
14	ĐÌNH VU QUANG	RP3	49-50	2	15		63	KHI	Vietnamese
15	PHAN ANH SANG	RP3	56	1	7		52	KHI	Vietnamese
16	NGUYEN TUAN ANH	RP3	57-59	3	14	74	67	KHI	Vietnamese
17	NGUYEN NHU Y	RP3	54-55	2	12		60	KHI	Vietnamese
18	NGUYEN HONG KHANH	RP3	53	1	5		65	KHI	Vietnamese
19	TRẦN THANH SANG	P7	83-84	2	10		58	DUY LINH	Vietnamese
20	VÔ VĂN HAI	P7	81-82	2	12		69	DUY LINH	Vietnamese
21	NGÔ VĂN BÌNH	P7	85-86	2	13		62	DUY LINH	Vietnamese
22	LUƠNG QUỐC VƯƠNG	P7	87	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	18	31	194	1.250	99	0		
2	P7	4	7	38	269	0	0		
3	P4	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	38	232	1.519	99	8		
WEIGHT KG				232	1.519	99			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 01/07/2019	TO: RP3 - RP2 - TD3	AIRCRAFT: 846	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - TRƯỜNG - THỤ	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ VĂN TRUNG	RP3	52	1	7		65	KHI	Vietnamese
2	NGUYỄN QUỐC HUNG	RP3	53-54	2	15		70	KHI	Vietnamese
3	HOÀNG HUY HIỆU	RP3	51	1	5		65	KHI	Vietnamese
4	PHẠM TUẤN KHANG	RP3	44	1	5		60	KHI	Vietnamese
5	LÊ XUÂN VIỆT ANH	RP3	46-47	2	12	34	62	KHI	Vietnamese
6	PHẠM VĂN LƯƠNG	RP3	32	1	5	50	55	KHI	Vietnamese
7	TRẦN VĂN UY	RP3	36	1	10		55	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN TIẾN VIỆT	RP3	33	1	6		60	KHI	Vietnamese
9	LÊ TIẾN DUNG	RP3	48-49	2	16		75	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN DUY HUNG	RP3	50	1	10		70	KHI	Vietnamese
11	BUI ĐỨC TRUYỀN	RP3	45	1	7		75	KHI	Vietnamese
12	BUI XUÂN KHANG	RP3	34	1	7		80	KHI	Vietnamese
13	LÊ ĐÌNH BÔNG	RP3	35	1	10		55	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN KIM TUÂN	RP3	41	1	7		88	KHI	Vietnamese
15	PHAN NGỌC AN	RP3	39-40	2	10		74	KHI	Vietnamese
16	ANWAR BIN ABD RASHID	RP3	42-43	2	15		86	KHI	Malaysian
17	TRẦN HỒNG VƯƠNG	RP3					67	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN CHÍ DUNG	RP3	37-38	2	10		50	KHI	Vietnamese
19	FIRSOV	RP3	59	1	5		90	ANTOAN	Russian
20	LƯƠNG ANH VŨ	RP2	18	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
21	NGUYỄN ĐỨC MINH	RP2	17	1	10	58	65	CODIEN	Vietnamese
22	BUI VAN QUAN	RP2	16	1	3		55	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	19	24	162	1.302	84	0		
2	RP2	3	3	21	185	58	10		
3	TD3	0	0	0	0	0	11		
TOTAL		22	27	183	1.487	142	21		
WEIGHT KG				183	1.487	142			

GRAND TOAL: 1.812 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 02/07/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P7+P3+TD5	7:25	2+20+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	CHUYẾN 1 PAX P7-P3
2		TD2+P8+P4	7:25	18+0+2	0+0+0		18+1+3	0+0+0	
3		RP3+RP2+CTK3+CNV	9:25	16+1+5+0	0+0+0+0		2+4+13+0	0+0+0+0	CHUYEN 1 PAX CTK3-CNV
4		BK10+PPD+TD2	9:25	6+7+4	0+0+0		0+14+8	0+0+0	

TTDĐSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 02/07/2019	TO: P7 - P3 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Năm	ETA: 09:30
xanh-1			

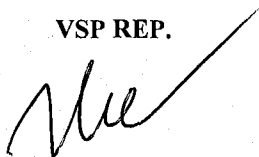
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN XUÂN TRƯỜNG	P7	56	1	6	12	75	CODIEN	Vietnamese
2	NGUYỄN BA THUẬN	P7	55	1	11		66	CODIEN	Vietnamese
3	GONCHAROV SERGEY	P3	61	1	8		100	KHOAN	Russian
4	PHẠM VĂN LÂM	P3	63	1	12		66	KHOAN	Vietnamese
5	VŨ NGỌC THANH	P3	66	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN THAI DƯƠNG	P3	65	1	10		52	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN MẠNH TÍNH	P3	48	1	6	28	70	KHOAN	Vietnamese
8	ĐÀO DANH THÀNH	P3	67	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
9	ĐÀU CAO KHANG	P3	64	1	8		54	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN VIỆT HÀ*PK-PVD	P3	68	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
11	PHAN VĂN THANH	P3	62	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	NGÔ HỒNG GIANG	P3	73	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
13	NG HOANG OANH-PVDT	P3	69	1	5		80	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN TƯỜNG LONG	P3	79	1	5		68	KHOAN	Vietnamese
15	LƯU ĐÌNH MINH	P3	77-78	2	17		60	KHOAN	Vietnamese
16	BUI VĂN THANH	P3	75-76	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
17	VĂN MINH TÂN	P3	60	1	6		62	KH-THAC	Vietnamese
18	ĐOÀN TRỌNG TƯỜNG	P3	74	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN QUY TÀI	P3	70	1	9		58	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN HIỀN	P3	57	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VĂN THẮNG	P3	71-72	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
22	NGUYỄN HOÀI NAM	P3	59	1	12		78	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	2	2	17	141	12	0 + 1		CHUYEN 01 PAX TU P7 SANG P3 1NB MONG VAN THAC
2	P3	20	23	173	1.351	28	14		
3	TD5	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		22	25	190	1.492	40	22		
WEIGHT KG				190	1.492	40			

GRAND TOAL: 1.722 KGS

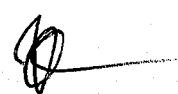
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2019	TO: TD2 - P8 - P4	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:35
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Toan	ETA: 09:35
CAM-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	POROMARENKO A	TD2	66	1	4	70	105	KHOAN	Russian
2	DOROSHENKO M.K	TD2	76	1	5		92	KHOAN	Russian
3	HOANG VAN LINH	TD2	63-64	2	17		65	YTE	Vietnamese
4	GUSHEYNOV M.A	TD2	67	1	5		77	KHOAN	Russian
5	LE QUOC TOAN	TD2	80	1	3		55	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HAI	TD2	78-79	2	16		62	KHOAN	Vietnamese
7	VUONG DINH LIEN	TD2	69	1	2		66	KHOAN	Vietnamese
8	LE VIET CHIEN	TD2	70	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
9	NGO VAN BAC	TD2	65	1	4		80	KHOAN	Vietnamese
10	DO VAN HUNG	TD2	73	1	4		68	KHOAN	Vietnamese
11	TRAN HUNG HUNG	TD2	82	1	2		95	KHOAN	Vietnamese
12	CAO VAN LOI	TD2	81	1	4		69	KHOAN	Vietnamese
13	MAI VAN HOANG	TD2	68	1	4		59	KHOAN	Vietnamese
14	HOANG VIET LINH	TD2	74	1	10		75	KHOAN	Vietnamese
15	BUI NGOC DUNG	TD2	72	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN VAN VINH	TD2	75	1	8		75	KHOAN	Vietnamese
17	NGUYEN QUANG HUY	TD2	77	1	5		62	CUC ĐANG	Vietnamese
18	NGUYEN PHU VINH	TD2	71	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
19	JOAN ILLUSTRE	P4	84-85	2	20	7	78	KHI	Filipino
20	NGUYEN MINH CHANH	P4	87	1	10	20	78	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	18	20	112	1.316	70	18		NB: TRINH KHAC NGOC
2	P8	0	0	0	0	20	1		
3	P4	2	3	30	156	27	3		
TOTAL		20	23	142	1.472	117	22		
WEIGHT KG				142	1.472	117			

GRAND TOAL: 1.731 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2019	TO: RP3 - RP2 - CTK3 - CNV	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Khang - Năm	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THẾ HUY	RP3	68	1	13	20	78	CODIEN	Vietnamese
2	TRINH HOÀNG THÈM	RP3	69	1	9		67	KHI	Vietnamese
3	PHẠM DUY TUÂN	RP3	74	1	7	24	88	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN XUÂN THÈ	RP3	76-77	2	9		65	KHI	Vietnamese
5	ĐẶNG THANH SƠN	RP3	72-73	2	18		70	KHI	Vietnamese
6	LAI QUỐC THİN	RP3	75	1	8		65	KHI	Vietnamese
7	NGUYỄN CÔNG TẠO	RP3	78	1	9		56	KHI	Vietnamese
8	PHẠM QUYẾT TIẾN	RP3	83	1	9		65	KHI	Vietnamese
9	PHI CÔNG MINH	RP3	71	1	5		66	KHI	Vietnamese
10	ĐẶNG ANH TUÂN	RP3	66	1	7		51	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN NGỌC CHIẾN	RP3	70	1	10		54	KHI	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH TÍNH	RP3	84	1	9	43	65	KHI	Vietnamese
13	PHẠM NGỌC TUÂN	RP3	81-82	2	15		65	KHI	Vietnamese
14	LÊ HAI HOA	RP3	80	1	5		81	KHI	Vietnamese
15	HOANG HUU THO	RP3	67	1	6		75	PSV	Vietnamese
16	PHẠM MINH ĐỨC	RP3	65	1	5		80	PSV	Vietnamese
17	LÊ MINH ĐỨC	RP2	23	1	8		65	CODIEN	Vietnamese
18	BUI THÈ DIỄN	CTK3	29	1	7	20	68	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ THANH CHUNG	CTK3					75	KH-THAC	Vietnamese
20	DƯƠNG VĂN MẠNH	CTK3	73-74	2	11		65	KH-THAC	Vietnamese
21	VU XUÂN TRỰC	CTK3	68	1	5		58	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN TRI TÍN	CTK3	75	1	10		75	SAN BAY	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	16	19	144	1.091	87	2		CHUYEN 1 PAX CTK3 SANG CNV
2	RP2	1	1	8	65	0	4		
3	CTK3	5	5	33	341	20	15		
4	CNV	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	25	185	1.497	107	21		
WEIGHT KG				185	1.497	107			

GRAND TOAL: 1.789 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 02/07/2019	TO: BK10 - PPD - TD2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:55
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Nam - MMinh - Toan	ETA: 11:55
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN THANH TUÂN	BK10	33	1	10		70	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN KHÁC TUẤT	BK10	31-32	2	10		72	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM NGỌC ĐỊNH	BK10	38	1	15	29	76	XAYLAP	Vietnamese
4	LÊ TỰ KHA	BK10	36-37	2	15	35	80	XAYLAP	Vietnamese
5	MAI DUY TÂN	BK10	34-35	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
6	MAI CAO ĐỊNH	BK10	39-40	2	8		60	PSV	Vietnamese
7	LÊ TRỌNG LÂN	PPD	71	1	5		70	NHON TRAC	Vietnamese
8	BUI QUỐC TUÂN	PPD	67	1	7		55	NHON TRAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN TÀI	PPD	66	1	10		90	NHON TRAC	Vietnamese
10	NGUYỄN VĂN BƯU	PPD	68	1	12	40	65	NHON TRAC	Vietnamese
11	PHAN HỒNG THO	PPD	70	1	5	22	65	NHON TRAC	Vietnamese
12	LÊ VĂN RAY	PPD	69	1	8		55	NHON TRAC	Vietnamese
13	TRƯƠNG TRỌNG HÂN	PPD	65	1	5		60	PSV	Vietnamese
14	BUI VĂN THẮNG	TD2	73	1	7		72	GETRACO	Vietnamese
15	TRẦN QUỐC CUÔNG	TD2	71	1	5		82	GETRACO	Vietnamese
16	TRẦN VĂN CHINH	TD2	89	1	5	15	65	GETRACO	Vietnamese
17	TRẦN HỮA THUƠNG	TD2	72	1	5		70	GETRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	6	10	75	423	64	1		
2	PPD	7	7	52	460	62	13		
3	TD2	4	4	22	289	15	8		
TOTAL		17	21	149	1.172	141	22		
WEIGHT KG				149	1.172	141			

GRAND TOAL: 1.462 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN